

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2018

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Nhị Hồng

* Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đại Hải

2. Ông Đặng Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 138/2018/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1973

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (Có mặt tại phiên tòa)

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn M - Sinh năm: 1967

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà và ông Nguyễn M tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1993 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C (nay là thành phố C), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyền số 01 ngày 31/6/1993.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống bình thường nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông M gây nợ nên vợ chồng cãi vã, xúc

phạm nhau. Từ tháng 02/2018 đến nay, bà và ông M không còn chung sống với nhau nữa. Nay bà nhận thấy cuộc sống chung không thể tiếp tục nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn M.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn M có 02 con chung là Nguyễn Thùy H, sinh ngày 12/8/1994 và Nguyễn Như H, sinh ngày 24/6/1999. Các con chung đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng bà không nợ của ai.

* Bị đơn ông Nguyễn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

* Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị N (bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình, chủ hộ Nguyễn M (bản sao); Giấy khai sinh Nguyễn Thị Thùy H và giấy khai sinh Nguyễn Như H (bản sao).

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án không thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn M.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết về ly hôn giữa bà và ông Nguyễn M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn M tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện C (nay là thành phố C) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 88, quyền số 01 ngày 31/6/1993 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo nguyên đơn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì ông M làm ăn gây nợ nên vợ chồng cãi vã, xúc phạm nhau. Do mâu thuẫn ngày

càng trầm trọng nên từ tháng 02/2018 đến nay, bà N và ông M không còn chung sống với nhau.

Ông Nguyễn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải nhưng cố tình vắng mặt thể hiện không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng.

Xét thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Nguyễn M là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn M có 02 con chung là Nguyễn Thùy H, sinh ngày 12/8/1994 và Nguyễn Như H, sinh ngày 24/6/1999. Các con chung đã đủ 18 tuổi nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: : Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Nguyễn M.

[2]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn M có 02 con chung là Nguyễn Thùy H, sinh ngày 12/8/1994 và Nguyễn Như H, sinh ngày 24/6/1999. Các con chung đã đủ 18 tuổi nên bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về “Ly hôn” nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0012327 ngày 23/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C; bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Nguyễn M có quyền kháng cáo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.C;
- CCHCDS TP. C;
- UBND P C, tp. C;
- Lưu HS, AV.

Ngô Nhị Hồng